

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 30 - 7 - 2025.

V/v: *Ly hôn, nuôi con chung.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Ngọc Phương;

Bà Lý Thị Vinh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lò Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La tham gia phiên tòa:*
Bà Trương Thị Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Quàng Thị T; sinh năm: 1987; địa chỉ: Bản D, xã TC, tỉnh Sơn La (trước là Bản D, xã CP, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La). (Vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lò Văn N; sinh năm: 1986; địa chỉ: Bản D, xã TC, tỉnh Sơn La (trước là Bản D, xã CP, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2025, Bản tự khai, Bản tự khai bổ sung và Biên bản lấy lời khai, nguyên đơn Chị Quàng Thị T trình bày:

Về tình cảm: Chị Quàng Thị T và anh Lò Văn N kết hôn với nhau từ ngày 16/4/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CP, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là xã TC, tỉnh Sơn La). Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hoà hợp, bất đồng trong quan điểm sống, chị Quàng Thị T và anh Lò Văn N đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không thành, hiện nay chị đã

sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị Quàng Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với anh Lò Văn N.

Về con chung: Chị Quàng Thị T và anh Lò Văn N có 02 con chung: Cháu Lò Gia N, sinh ngày 19/6/2008; cháu Lò Gia P, sinh ngày 14/01/2016. Nay ly hôn chị Quàng Thị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Gia P, sinh ngày 14/01/2016, cháu Lò Gia N, sinh ngày 19/6/2008 đến khi các cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Quàng Thị T không yêu cầu anh Lò Văn N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam đoan không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lò Văn N, anh Lò Văn N không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Do vậy không có lời khai của anh Lò Văn N đối với yêu cầu khởi kiện của chị Quàng Thị T.

Biên bản xác minh ngày 20/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La về tình trạng hôn nhân của chị Quàng Thị T và anh Lò Văn N: Chị Quàng Thị T và anh Lò Văn N từ ngày 16/4/2007 có đăng ký kết hôn tại UBND xã CP, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là xã TC, tỉnh Sơn La). Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn tính tình không hoà hợp, hay cãi vã lẫn nhau. Hiện nay chị Quàng Thị T và anh Lò Văn N đã sống ly thân từ lâu.

Ý kiến của các cháu Lò Gia N, sinh ngày 19/6/2008, cháu Lò Gia P, sinh ngày 14/01/2016 là con chung của chị Quàng Thị T, anh Lò Văn N, nguyện vọng của cháu muốn được ở cùng anh Lò Văn N (bố đẻ của cháu).

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ: Nguyên đơn chị Quàng Thị T nhất trí không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, không yêu cầu Tòa án triệu tập đương sự khác và người tham gia tố tụng khác. Bị đơn anh Lò Văn N vắng mặt không có lý do.

Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/6/2025 nguyên đơn chị Quàng Thị T trình bày do bận công việc, nên không thể có mặt để tham dự phiên tòa, chị Quàng Thị T đề nghị xét xử vắng mặt. Ý kiến của chị Quàng Thị T về việc giải quyết vụ án: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về tình cảm: Yêu cầu được ly hôn với anh Lò Văn N; về con chung có 02 con chung: Cháu Lò Gia N, sinh ngày 19/6/2008; cháu Lò Gia P, sinh ngày 14/01/2016, yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Gia P, sinh ngày 14/01/2016, cháu Lò Gia N, sinh ngày 19/6/2008 đến khi các cháu trưởng thành. Không yêu cầu anh Lò Văn N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Cam đoan không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La phát biểu

ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Quàng Thị T đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lò Văn N đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Quàng Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lò Văn N đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH 15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải đối thoại tại Toà án; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Quàng Thị T được ly hôn với anh Lò Văn N.

Về con chung: Giao cháu Lò Gia N, sinh ngày 19/6/2008; cháu Lò Gia P, sinh ngày 14/01/2016 cho chị Quàng Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật anh Lò Văn N có quyền đi lại, thăm con chung không được ai ngăn cản. Anh Lò Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu xem xét.

Về án phí: Căn cứ Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc xét thấy chị Quàng Thị T là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm do vậy chị được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Thông báo về việc miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ngày 10/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Sơn La).

Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn Chị Quàng Thị T khởi kiện ly hôn với bị đơn anh Lò Văn N có địa chỉ tại huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là xã TC, tỉnh Sơn La). Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La) thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH 15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải đối thoại tại Tòa án.

Nguyên đơn chị Quàng Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lò Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, anh Lò Văn N vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Quàng Thị T, bị đơn anh Lò Văn N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Quàng Thị T và anh Lò Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CP, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là xã TC, tỉnh Sơn La) vào ngày 16/4/2007, đúng theo quy định của pháp luật, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, chị Quàng Thị T cho rằng anh Lò Văn N không quan tâm đến cuộc sống gia đình, đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện nay chị Quàng Thị T và anh Lò Văn N đã sống ly thân. Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương xác nhận chị Quàng Thị T và anh Lò Văn N có phát sinh mâu thuẫn và hiện nay chị Quàng Thị T và anh Lò Văn N đã sống ly thân. Anh Lò Văn N đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai và hoà giải, anh Lò Văn N không có mặt, do vậy Tòa án không có lời khai và không tiến hành hoà giải được, điều này chính tỏ anh Lò Văn N không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa Chị Quàng Thị T và anh Lò Văn N tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xử cho chị Quàng Thị T được ly hôn với anh Lò Văn N. Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung:

Chị Quàng Thị T và anh Lò Văn N có 02 con chung: Cháu Lò Gia N, sinh ngày 19/6/2008; cháu Lò Gia P, sinh ngày 14/01/2016. Chị Quàng Thị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Gia N, sinh

ngày 19/6/2008; cháu Lò Gia P, sinh ngày 14/01/2016 đến khi các cháu trưởng thành.

HĐXX xét thấy: Cháu Lò Gia N, sinh ngày 19/6/2008; cháu Lò Gia P, sinh ngày 14/01/2016 đều đang sống cùng chị Quàng Thị T và tuy nguyện vọng của cháu Lò Gia N, cháu Lò Gia P đều muốn sống cùng anh Lò Văn N, nhưng trong quá trình giải quyết vụ việc anh Lò Văn N không có mặt tại Toà án để trình bày lời khai, trình bày ý kiến về việc nuôi con chung, mặt khác hiện nay các cháu đang sống cùng chị Quàng Thị T, cuộc sống của các cháu đang ổn định, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chưa thành niên, do vậy không có đủ căn cứ để giao con cho anh Lò Văn Môn, cần chấp nhận yêu cầu của chị Quàng Thị T. Giao cháu Lò Gia N, sinh ngày 19/6/2008; cháu Lò Gia P, sinh ngày 14/01/2016 cho chị Quàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Quàng Thị T không yêu cầu anh Lò Văn N phải cấp dưỡng nuôi con chung, cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn anh Lò Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Cam đoan không có.

[6]. Về án phí: Chị Quàng Thị T là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Quàng Thị T. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH 15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải đối thoại tại Toà án; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Quàng Thị T được ly hôn với anh Lò Văn N.

2. Về con chung:

Chị Quàng Thị T và anh Lò Văn N có 02 con chung: Cháu Lò Gia N, sinh ngày 19/6/2008; cháu Lò Gia P, sinh ngày 14/01/2016.

Giao cháu Lò Gia N, sinh ngày 19/6/2008; cháu Lò Gia P, sinh ngày 14/01/2016 cho chị Quàng Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng: Anh Lò Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Quàng Thị T.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Quàng Thị T; bị đơn anh Lò Văn N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2 - Sơn La(2 bản);
- UBND xã TC, tỉnh Sơn La,
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Thị Hương